UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG TRẦN NHÂN TÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:323 /TB-UBND	*P. Trần Nhân Tông, ngày 20 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO
Danh mục thủ tục hành chính có phí, lệ phí năm 2026

Uỷ ban nhân nhân dân phường Trần Nhân Tông thông báo danh mục thủ tục hành chính có thu phí, lệ phí cụ thể như sau:

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Mức phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC				
1.	Thủ tục Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001035	50.000 đồng/giao dịch (Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thì không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản).	Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công chứng và chứng thực thuộc phạm vi,chức năng quản lý của Sở Tư pháp.
2.	Thủ tục Chứng thực di chúc	2.001019	50.000 đồng/di chúc	Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND thành phố
3.	Thủ tục Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2.001016	50.000 đồng/văn bản	Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND thành phố
4.	Thủ tục Chứng thực văn bản phân chia di	2.001406	50.000 đồng/văn bản	Quyết định số 1353/QĐ-UBND

	sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở			ngày 08/4/2026 của UBND thành phố
5.	Thủ tục Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	2.000913	30.000 đồng/giao dịch	Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND thành phố
6.	Thủ tục Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	2.000927	25.000 đồng/giao dịch	Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND thành phố
7.	Thủ tục Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	2.000942	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND thành phố
8.	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của UBND xã	2.000992	10.000 đồng/trường hợp	Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND thành phố
9.	Thủ tục Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của UBND cấp xã	2.001008	10.000 đồng/trường hợp	Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND thành phố
10.	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam	2.000815	- **Đối với chứng thực bản giấy**: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	- Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố v/v công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi,chức năng quản lý của Sở Tư pháp

			- Đối với chứng thực bản sao điện tử từ bản chính: Miễn phí	- Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định việc hỗ trợ phí chứng thực bản sao điện tử từ bản chính
11.	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	2.000884	10.000 đồng /trường hợp (trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND thành phố
II. LĨNH VỰC HỘ TỊCH				
12.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	2.000635	8.000 đồng/bản	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
13.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	1.003583	Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng (Miễn lệ phí với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
14.	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	1.000419	Đăng ký khai tử quá hạn: 8.000 đồng (Miễn lệ phí với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
15.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1.004859	- 10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố

			- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	
16.	Thủ tục Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873	5.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Mi ễn lệ phí khi th ực hi ện th ủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuy ế n **- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng**	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
17.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	1.004884	- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật) - **Đăng ký trực tuyến: 0 đồng**	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
18.	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ giấy tờ cá nhân	1.004772	- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật) - **Đăng ký trực tuyến: 0 đồng**	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
19.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000689	- Miễn phí (ĐKKS đúng hạn). - 8.000 đồng (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân). - 10.000 đồng (đăng ký nhận cha, mẹ, con) - **Đăng ký trực tuyến: 0 đồng**	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
20.	Thủ tục đăng ký khai sinh	1.001193	- Đăng ký Khai sinh đúng hạn: miễn phí - Đăng ký Khai sinh quá hạn: 8.000 đồng - **Đăng ký trực tuyến: 0 đồng**	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC được sửa

				đổi, bổ sung lĩnh công chứng, chứng thực, quản trị viên và hộ tịch thuộc phạm vi,chức năng quản lý của Sở Tư pháp
21.	Thủ tục đăng ký, nhận cha, mẹ, con	1.001022	- 10.000 đồng. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật - **Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.**	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
22.	Thủ tục đăng ký khai tử	1.000656	- 8.000 đồng/lần (khai tử quá hạn). - **Đăng ký trực tuyến: 0 đồng**	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
23.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000689	- Miễn phí (ĐKKS đúng hạn). - 8.000 đồng (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân). - 10.000 đồng (đăng ký nhận cha, mẹ, con) - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
24.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	1.004746	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
25.	Thủ tục đăng ký lại khai tử	1.005461	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
26.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000528	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố

27.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2.000779	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
28.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ,con có yếu tố nước ngoài	1.001695	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
29.	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000806	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
30.	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố ngước ngoài	1.001766	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
31.	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1.001669	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
32.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2.000756	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
33.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tich, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	2.000748	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
34.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết của cơ quan có	2.002189	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố

	thẩm quyền của nước ngoài			
35.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.000554	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
36.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi, khai tử; thay đổi hộ tịch)	2.000547	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
37.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000522	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
38.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.000893	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
39.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.00513	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố

40.	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2.00497	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
41.	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	2.002516	Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố
III. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI				
42.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2.001263	- Mức thu lệ phí: 400.000 đồng/ trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.	Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND thành phố v/v công bố Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi,chức năng quản lý của Sở Tư pháp.
43.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1.003005	4.500.000 đồng/trường hợp	Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND thành phố
44.	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	2.002363	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND thành phố

IV. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Thực hiện Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 28/7/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền

của HĐND thành phố đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Mức thu lệ phí đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên địa bàn thành phố "bằng 0 đồng" đối với cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

V. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Thực hiện Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 28/7/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Mức thu lệ phí đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên địa bàn thành phố "**bằng 0 đồng**" đối với đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

VI. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

- Đối với hồ sơ tiếp nhận thủ tục hành chính trực tiếp hoặc qua bưu chính từ ngày 01/01/2026 được áp dụng mức thu phí, lệ phí theo Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố. *(Gửi kèm Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HNĐN thành phố).*

- Đối với hồ sơ tiếp nhận thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến từ ngày 08/08/2026 áp dụng mức thu phí, lệ phí theo Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 28/7/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên địa bàn thành phố Hải Phòng.(Mức thu lệ phí đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên địa bàn thành phố **"bằng 0 đồng"** đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng).

Vậy Uỷ ban nhân dân phường Trần Nhân Tông trân trọng thông báo để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND phường;
- Các phòng CM thuộc UBND phường;
- Trung tâm PVHCC;
- Trung tâm PVSNC;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG TRẦN NHÂN TÔNG TP. HẢI PHÒNG

Nguyễn Văn Đương